

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**QUÝ 4 NĂM 2016
KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016**

TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

Nha trang, Ngày 16 tháng 01 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		134.353.467.123	153.517.559.730
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	30.038.159.183	55.629.301.994
1. Tiền	111		13.038.159.183	20.629.301.994
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.000.000.000	35.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.000.000.000	20.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	30.000.000.000	20.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.903.419.449	28.995.920.321
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	29.547.889.725	26.597.626.944
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	467.372.074	713.886.020
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	41.757.650	1.838.007.357
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(153.600.000)	(153.600.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	41.034.090.999	38.967.461.843
1. Hàng tồn kho	141		41.034.090.999	38.967.461.843
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.377.797.492	9.924.875.572
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	-	2.582.596.413
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.687.199.819	6.483.175.433
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.16	690.597.673	859.103.726
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		407.734.041.043	385.732.178.916
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.10	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2016	01/01/2016
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.11	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		372.044.280.523	357.498.477.162
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	350.830.193.688	339.631.834.613
<i>Nguyên giá</i>	222		663.818.279.620	599.647.060.311
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(312.988.085.932)	(260.015.225.698)
2. Tài sản cố định vô hình	224	V.10	21.214.086.835	17.866.642.549
<i>Nguyên giá</i>	225		27.837.385.000	22.698.885.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(6.623.298.165)	(4.832.242.451)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		24.992.643.913	22.111.516.813
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.11	2.432.268.061	701.530.535
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	22.560.375.852	21.409.986.278
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10.107.867.366	3.507.867.366
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	10.200.000.000	3.600.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(92.132.634)	(92.132.634)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		589.249.241	2.614.317.575
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	589.249.241	2.614.317.575
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		542.087.508.166	539.249.738.646

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA
 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		245.810.714.447	248.073.341.159
I. Nợ ngắn hạn	310		82.576.963.870	76.852.429.765
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	33.314.599.241	8.480.347.355
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	3.665.764.000	2.239.686.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	5.212.668.453	25.712.614.190
4. Phải trả người lao động	314		17.944.800.700	20.086.380.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1.734.219.659	3.080.203.983
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây d	317		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	-	65.024.545
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	674.650.539	359.179.414
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	15.146.160.000	13.116.160.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20a	4.884.101.278	3.712.834.278
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	323	V.22	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		163.233.750.577	171.220.911.394
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	7.057.407.354	8.403.583.354
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	154.251.573.561	160.862.158.378
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	V.12	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.21	1.924.769.662	1.955.169.662
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		296.276.793.719	291.176.397.487
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	296.276.793.719	291.176.397.487
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		260.000.000.000	260.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>260.000.000.000</i>	<i>260.000.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>411b</i>		<i>-</i>	<i>-</i>

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	
		31/12/2016	01/01/2016
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	852.875.935	852.875.935
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	(314.400.000)	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.886.075.000	2.349.780.000
Quỹ dự phòng tài chính		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	30.852.242.784	27.973.741.552
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế</i>	<i>421a</i>	<i>3.464.857.552</i>	<i>2.610.791.861</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>	<i>27.387.385.232</i>	<i>25.362.949.691</i>
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	431	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	542.087.508.166	539.249.738.646



NGUYỄN VĂN QUÂN
Kế toán trưởng



FRÀN VĂN HUY
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TỪ NGÀY 01/10/2016 ĐẾN NGÀY 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ NĂM NAY	SỐ NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		74.798.991.853	71.090.787.766
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			75.815.001
+ Doanh thu chưa thực hiện	02D			65.024.545
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10		74.798.991.853	71.014.972.765
4. Giá vốn hàng bán	11		66.580.975.602	61.047.240.951
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		8.218.016.251	9.967.731.814
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		795.088.199	1.421.613.729
7. Chi phí tài chính	22		995.625.497	1.576.333.731
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		995.625.497	1.576.333.731
8. Chi phí bán hàng	25		31.080.000	13.080.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.198.659.161	4.133.202.707
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		5.787.739.792	5.666.729.105
11. Thu nhập khác	31		1.222.458.471	1.651.852.341
12. Chi phí khác	32		1.837.226.283	1.889.272.498
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(614.767.812)	(237.420.157)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.172.971.980	5.429.308.948
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		702.637.914	1.692.399.924
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		4.470.334.066	3.736.909.024
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Ngày 6... tháng 01 năm 2017.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Nguyễn Văn Quân

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Văn Huy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

TỪ NGÀY 01/10/2016 ĐẾN NGÀY 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		92.751.865.862	88.794.022.043
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(34.583.810.379)	(40.690.744.137)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(18.158.698.069)	(18.172.360.772)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.285.913.743)	(1.153.868.709)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.500.000.000)	(1.191.338.954)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.277.185.545	10.733.285.180
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(35.408.856.466)	(22.998.123.410)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.091.772.750	15.320.871.241
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(560.877.009)	(720.490.396)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.000.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.000.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.988.198	178.901.253
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.546.888.811)	(541.589.143)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(23.580.000)	
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.923.080.000)	(5.023.080.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(5.725.424.817)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(12.360.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.672.084.817)	(17.383.080.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(16.127.200.878)	(2.603.797.902)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		46.165.360.061	78.233.099.896
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		30.038.159.183	75.629.301.994

Ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

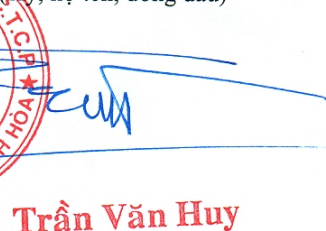


KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)



Nguyễn Văn Quân

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trần Văn Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

MẪU B 09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Khánh Hòa theo Quyết định số 2171/QĐ – UBND ngày 03 tháng 09 năm 2013 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa.

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200238007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2013.

- Vốn điều lệ : 260.000.000.000 VND

Cơ cấu vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận kinh doanh như sau:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa	206.000.000.000	79,23
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	40.600.000.000	15,62
Các cổ đông khác	13.400.000.000	5,15
Cộng	260.000.000.000	100,00

- Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại : (058) 3 822 142 – 3 815 372

Fax : (058) 3 819 144 – 3 810 740

Mã số thuế : 4 2 0 0 2 3 8 0 0 7

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và dịch vụ

3. Ngành, nghề kinh doanh :

Sản xuất và cung cấp nước sạch; Thi công lắp đặt công trình trạm bơm và đường ống cấp thoát nước; Thiết kế mạng lưới và công trình trạm bơm cấp thoát nước; Tư vấn thẩm tra mạng lưới và công trình trạm bơm cấp thoát nước

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Cấu trúc Công ty

Tại cuối kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty.

Chi tiết như sau:

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	30%	30%	Khai thác, xử lý, cung cấp nước

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 342 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 321 người).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.2, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 200 thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với số liệu so sánh với số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là kỳ kế toán năm thứ 3 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Áp dụng hướng dẫn Chế độ kế toán mới và thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho kỳ kế toán năm bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi. Thông tư 200 thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán ngắn hạn, chi phí phải trả ngắn hạn, phải trả ngắn hạn và dài hạn khác, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày lập Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày lập Báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng và phải thu cung cấp dịch vụ.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi; các khoản phụ không mang tính thương mại như, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 30
Thiết bị văn phòng	3 - 10

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị các quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và các tài sản cố định khác của Công ty.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất; đối với những lô đất không xác định thời hạn, lâu dài Công ty không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 - 5 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra để lập quy hoạch hệ thống cấp nước Thành phố Nha Trang và Huyện Diên Khánh đến 2010 và định hướng đến 2025. Tài sản này được khấu hao 15 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt máy móc, thiết bị, đường ống,...chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện lợi thế kinh doanh, chi phí công cụ, dụng cụ, các tuyến ống, chi phí sửa chữa lớn tài sản, đồng hồ thay mới.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào "chi phí trả trước ngắn hạn"; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào "chi phí trả trước dài hạn".

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty. Lợi thế kinh doanh được phân bổ trong 3 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, các tuyến ống, chi phí sửa chữa lớn tài sản và đồng hồ thuê bao đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm;

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quý định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
- Chi phí cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
- Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học và công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

14. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

21. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	31/12/2015
Tiền mặt	8.883.249	5.657.870
Tiền gửi ngân hàng	13.029275.934	20.623.644.124
Các khoản tương đương tiền (i)	17.000.000.000	35.000.000.000
Cộng	30.038.159.183	55.629.301.994

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 5,3%/năm.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quý 4 năm 2016**

Thuyết minh Báo cáo tài chính

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
<i>Ngắn hạn</i>				
Ngân hàng thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang Tỉnh Khánh Hòa	10.000.000.000	10.000.000.000	15.000.000.000	-
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh Khánh Hòa	14.000.000.000	14.000.000.000	5.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa Phòng giao dịch Vĩnh Hải	-	-	-	-
Cộng	30.000.000.000	30.000.000.000	20.000.000.000	-

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 6 tháng tại các ngân hàng thương mại với số tiền là 30.000.000.000 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 20.000.000.000 đồng), lãi suất từ 5,3% đến 5,7%/năm.

	31/12/2016			31/12/2015		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Đầu tư vào Công ty liên kết - Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu (*)	10.200.000.000	(92.132.634)	10.292.132.634	3.600.000.000	(92.132.634)	3.507.867.366
Cộng	10.200.000.000	(92.132.634)	10.292.132.634	3.600.000.000	(92.132.634)	3.507.867.366

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quý 4 năm 2016****Thuyết minh Báo cáo tài chính**

(*) Khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu với tổng số vốn cam kết góp là 24.000.000.000VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Hoạt động kinh doanh sản xuất chính của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Trong năm 2016 Công ty đã đầu tư 6.600.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã đầu tư 10.200.000.000VND, tương đương 12,75% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu theo cam kết là 13.800.000.000VND.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Phải thu tiền nước khách hàng	25.233.870.725	23.585.853.293
Phải thu hoạt động xây lắp	437.798.000	862.911.651
Phải thu hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước	3.876.221.000	2.148.862.000
Cộng	<u>29.547.889.725</u>	<u>26.597.626.944</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu (*)	-	-
Công ty Cổ phần tự động công nghiệp Omina	-	310.271.000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng và môi trường (Ideca)	98.000.000	98.000.000
Công ty TNHH Đồng phát	-	-
Các khách hàng khác	369.372.074	305.615.020
Cộng	<u>467.372.074</u>	<u>713.886.020</u>
(*) Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên liên quan (xem Thuyết minh số VIII.2)	-	912.000.000

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2016</u>		<u>31/12/2015</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Ký quỹ Ngân hàng bảo hành công trình	-	-	274.455.507	-
Ký cược vỏ chai	20.000.000	-	20.000.000	-
Thuế TNCN còn phải thu của công nhân viên	-	-	1.438.551.850	-
Phải thu tiền BHXH	-	-	-	-
Tạm ứng Xí nghiệp Xây lắp	21.757.650	-	105.000.000	-
Cộng	<u>41.757.650</u>	<u>-</u>	<u>1.838.007.357</u>	<u>-</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính

6. Nợ xấu

	31/12/2016			31/12/2015		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>						
Công ty cổ phần 504	100.000.000	-	(100.000.000)	100.000.000	-	(100.000.000)
Công ty Cổ phần CATSOFT	53.600.000	-	(53.600.000)	53.600.000	-	(53.600.000)
Cộng	153.600.000	-	(153.600.000)	153.600.000	-	(153.600.000)

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản trả trước cho người bán đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.

Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	41.034.090.999	-	38.967.461.843	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	348.446.522	-
Cộng	41.034.090.999	-	39.315.908.365	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính

8. Chi phí trả trước

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
a) <i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	-	<i>2.582.596.413</i>
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	2.582.596.413
Chi phí khác	-	-
b) <i>Chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>589.249.241</i>	<i>2.614.317.575</i>
Lợi thế kinh doanh	-	1.360.936.983
Đồng hồ thay mới	-	39.698.333
Hệ thống nước	-	1.086.815.583
Chi phí khác	589.249.241	126.866.676
Cộng	<u>589.249.241</u>	<u>5.196.913.988</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

Tình hình biến động của tài sản cố định hữu hình trong kỳ:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2016	57.353.630.507	149.667.477.854	390.931.266.706	1.694.685.244	599.647.060.311
Tăng trong kỳ	0	-	-	-	-
Mua sắm mới	-	20.816.802.614	-	-	20.816.802.614
Chuyển từ XDCB sang	2.726.274.762	17.065.551.603	42.109.093.000	-	61.900.919.365
Tăng từ sửa chữa, cải tạo	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-1.431.089.969	-15.626.725.889	-1.112.999.630	-375.687.182	-18.363.937.670
31/12/2016	58.648.815.300	171.923.106.182	431.927.360.076	1.318.998.062	663.618.279.620
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2016	24.542.086.029	46.229.920.093	188.185.208.312	1.058.011.264	260.015.225.698
Tăng trong kỳ	5.937.758.240	28.959.359.730	35.935.089.845	309.522.473	71.141.730.388
Khấu hao trong kỳ	5.937.758.240	28.959.359.730	35.935.089.845	309.522.473	71.141.730.388
Giảm trong kỳ	-1.094.904.020	-15.621.784.721	-1.076.494.231	-375.687.182	-18.168.870.154
31/12/2016	29.384.940.249	59.567.495.102	223.043.804.026	991.846.555	312.988.085.932
Giá trị còn lại					
31/12/2015	32.811.544.478	103.437.557.761	202.746.058.394	636.673.980	339.631.834.613
31/12/2016	29.263.875.051	112.355.611.080	208.883.556.050	327.151.507	350.830.193.688

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
01/01/2016	19.498.185.000	2.579.904.000	620.796.000	22.698.885.000
Tăng trong kỳ	5.138.500.000	-	-	5.138.500.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
31/12/2016	24.636.685.000	2.579.904.000	620.796.000	27.837.385.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
01/01/2016	2.339.782.200	2.209.653.759	282.806.492	4.832.242.451
Tăng trong kỳ	1.379.419.069	370.250.241	41.386.404	1.791.055.714
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
31/12/2016	3.719.201.269	2.579.904.000	324.192.896	6.623.298.165
Giá trị còn lại				
01/01/2016	-	370.250.241	337.989.508	17.866.642.549
31/12/2016	20.917.483.731	0	296.603.104	21.214.086.635

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	2.432.268.061	353.084.013
Cộng	<u>2.432.268.061</u>	<u>353.084.013</u>

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Công trình nâng công suất Nhà máy nước Võ Cảnh	-	2.795.102.744
	-	-
Các công trình tuyến ống cấp nước	6.181.765.214	11.183.991.145
Tuyến ống cấp nước Khu dân cư Diên Thủy - Diên Điện - Diên Phú	-	7.430.892.389
Tuyến ống cấp nước Đào Trí Nguyên	16.378.610.638	-
Cộng	<u>22.560.375.852</u>	<u>21.409.986.278</u>

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2016</u>		<u>31/12/2015</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Cty ty CP ĐTXD Cấp thoát nước Suối Dầu (*)	-	-	691.863.000	691.863.000
Cty TNHH MTV Đồng Phát	-	-	885.659.000	885.659.000
Cty CP nhựa Đồng Nai	1.403.116.000	1.403.116.000	-	-
Cty TNHH TM N.T.P	1.046.887.600	1.046.887.600	-	-
Cty Nhựa Tân Tiến	688.296.620	688.296.620	-	-
CTy CP truyền thông Adtec	-	-	403.480.000	403.480.000
Cty Omina	5.064.392.000	5.064.392.000	-	-
Công ty TNHH Dũng Lợi	8.098.213.000	8.098.213.000	4.216.772.000	4.216.772.000
Cty CP Quản lý & XD giao thông Khánh Hòa	626.152.000	626.152.000	917.617.000	917.617.000
Cty Minh Thông	8.025.847.662	8.025.847.662	-	-
Các nhà cung cấp khác	8.361.694.359	8.361.694.359	1.364.956.355	1.364.956.355
Cộng	<u>33.314.599.241</u>	<u>33.314.599.241</u>	<u>8.480.347.355</u>	<u>8.480.347.355</u>

(*) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (xem Thuyết minh số VIII.2)

	-	-	691.863.000	691.863.000
--	---	---	-------------	-------------

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Người mua trả trước cho hoạt động xây lắp và thiết kế	3.665.764.000	2.239.686.000
Cộng	<u>3.665.764.000</u>	<u>2.239.686.000</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	Số còn phải nộp đến 31/12/2016
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	-	960.034.281	960.034.281	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(859.103.726)	3.668.506.053	3.500.000.000	(690.597.673)
Thuế thu nhập cá nhân	1.575.502.850	1.439.225.500	2.929.660.350	85.068.000
Tiền thuế đất	19.498.185.000	-	19.498.185.000	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế tài nguyên	128.080.400	1.748.057.440	1.724.771.600	151.366.240
Thuế nhà đất	-	10.815.400	10.815.400	-
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	296.336.103	4.206.626.814	4.159.158.245	343.804.672
Phí thoát nước đô thị	3.886.021.237	53.902.767.468	53.512.189.604	4.276.599.101
Phí dịch vụ bảo vệ môi trường rừng	328.488.600	1.452.480.040	1.425.138.200	355.830.440
Cộng	<u>24.853.510.464</u>	<u>67.391.512.996</u>	<u>87.722.512.996</u>	<u>4.522.070.780</u>

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế TNDN phải thu Nhà nước (*)	769.789.514	-	690.597.673
Thuế GTGT còn được khấu trừ	5.853.515.882	-	2.687.199.819
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>24.870.364.236</u>	-	<u>5.212.668.453</u>

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

- Thuế suất áp dụng :

+ Hoạt động cung cấp nước sạch : 5%

+ Hoạt động xây lắp, khảo sát, thiết kế và dịch vụ khác : 10%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.9

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo quy định hiện hành.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2015</u>
Chi phí lãi vay phải trả	291.469.754	330.332.388
Chi phí công trình	110.000.000	942.111.480
Chi phí hỗ trợ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	375.600.000	317.007.890
Chi phí khám sức khỏe định kỳ	-	192.900.000
Chi phí may BHLD cho Công nhân năm 2015	157.907.000	249.018.104
Chi phí tiền điện sản xuất	253.626.300	361.010.529
Chi phí khác	545.616.605	687.823.592
Cộng	<u>1.734.219.659</u>	<u>3.080.203.983</u>
17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
Doanh thu lắp đặt ống nhánh tư gia	-	65.024.545
Cộng	<u>-</u>	<u>65.024.545</u>
18. Phải trả khác		
a) <i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	<i>674.650.539</i>	<i>359.179.414</i>
Kinh phí công đoàn	415.523.384	288.611.884
BHXH	259.127.155	70.567.530
BHYT	-	-
BHTN	-	-
b) <i>Phải trả dài hạn khác</i>	<i>7.057.407.354</i>	<i>8.403.583.354</i>
Tiền lãi vay ân hạn phải trả - Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (*)	6.349.600.000	8.126.400.000
Hội phí Cấp nước miền Trung Tây Nguyên	707.807.354	277.183.354
Cộng	<u>7.838.459.508</u>	<u>8.762.762.768</u>

(*) Tiền lãi vay ân hạn phải trả dài hạn căn cứ theo lịch trả nợ của Biên bản làm việc với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa. Tiền lãi được trả định kỳ 6 tháng/ lần, mỗi kỳ 888.400.000 VND.

19. Vay và nợ tài chính

	<u>31/12/2016</u>		<u>31/12/2015</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) <i>Vay ngắn hạn</i>	15.1466.160.000	15.1466.160.000	13.116.160.000	13.116.160.000
Vay ngắn hạn đến hạn trả NH Phát triển Việt Nam - CN Khánh Hòa	9.026.160.000	9.026.160.000	9.026.160.000	9.026.160.000
Vay ngắn hạn đến hạn trả Quỹ đầu tư Phát triển K.Hòa	6.120.000.000	6.120.000.000	4.090.000.000	4.090.000.000
b) <i>Vay dài hạn</i>	154.251.573.561	154.251.573.561	160.862.158.378	160.862.158.378

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (i)	58.670.040.978	58.670.040.978	67.696.200.978	67.696.200.978
Vay dài hạn Quỹ đầu tư Phát triển Khánh Hòa (ii)	22.377.527.400	22.377.527.400	15.278.061.400	15.278.061.400
Vay dài hạn ngân sách tỉnh Khánh Hòa (iii)	73.204.005.400	73.204.005.400	77.887.896.000	77.887.896.000
Tổng cộng	169.397.733.561	169.397.733.561	173.978.318.378	173.978.318.378

- (i) Khoản vay dài hạn của Công ty tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa với hạn mức 135.392.400.978 VND. Khoản vay này không đảm bảo với thời hạn vay là 25 năm từ ngày 01 tháng 12 năm 2000, thời hạn trả nợ gốc 20 năm từ ngày 01 tháng 12 năm 2004 đến ngày 01 tháng 12 năm 2024. Khoản vay này dùng để đầu tư dự án “Nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước và vệ sinh Thành phố Nha Trang”. Khoản vay này chịu lãi suất 5%/năm (bao gồm phí quản lý cho vay lại 0,2%/năm). Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 là 76.722.360.978 VND.

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, Dự án “Nâng cấp cải tạo Hệ thống cấp nước và vệ sinh Thành phố Nha Trang”, được hình thành từ vốn vay ODA, đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, quyết toán toàn bộ dự án chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Vì vậy, Công ty chỉ ghi nhận nợ vay theo giá trị tài sản, vật tư, công cụ do Ban quản lý Dự án Cấp nước và vệ sinh TP. Nha Trang tạm bàn giao theo số liệu đã xác nhận nợ vay của Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khánh Hòa. Sau khi Chuyển sang Công ty Cổ phần toàn bộ giá trị tài sản, vật tư, công cụ vay từ vốn ODA đã được đánh giá lại và được xác định là tài sản của Công ty theo Quyết định số: 1416/QĐ- UBND ngày 17/06/2013 và Quyết định số 2140/QĐ-UBND ngày 29/08/2013 của UBND tỉnh Khánh Hòa về “Giá trị Doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Khánh Hòa”.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(ii) Công ty có các khoản vay dài hạn Quỹ đầu tư Phát triển Khánh Hòa với chi tiết như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD-ĐTPT ngày 19 tháng 9 năm 2013 với hạn mức 28.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 102 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu từ ngày 25 tháng 9 năm 2013, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu. Khoản vay này dùng để đầu tư dự án “ Cấp nước sạch xã Vĩnh Lương”, biện pháp đảm bảo bằng tài sản thế chấp hình thành trong tương lai - tài sản tại Nhà máy nước Võ Cạnh. Khoản vay này chịu lãi suất 8,29%/năm.
- Hợp đồng tín dụng số 04/2015/HĐTD-ĐTPT ngày 30 tháng 10 năm 2015 với hạn mức 25.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 90 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu từ ngày 14 tháng 12 năm 2015, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu. Khoản vay này dùng để đầu tư dự án “ Cấp nước sạch Khu dân cư Diên Thủy, Diên Sơn và Diên Phú”, biện pháp đảm bảo bằng tài sản thế chấp hình thành trong tương lai - tài sản được hình thành bằng vốn vay. Khoản vay này chịu lãi suất 8,29%/năm.
- Hợp đồng tín dụng số 06/2016/HĐTD – ĐTPT ngày 21/11/2016 với hạn mức vay là 24.370.000.000 VND. Thời hạn vay là 105 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời gian ân hạn 09 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu. Khoản vay này dùng để đầu tư dự án “ Cấp nước sạch cho Đảo Trí Nguyên – thuộc Tp Nha Trang “ Biện pháp đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản hình thành trong tương lai – tài sản được hình thành bằng vốn vay. Khoản vay này chịu lãi suất 8,29%/năm. Số dư đến 31/12/2016 : 6.079.000.000 VND

(iii) Khoản vay dài hạn của Công ty tại Ngân sách Tỉnh Khánh Hòa với hạn mức 78.987.739.865 VND. Khoản vay này không đảm bảo với thời hạn trả nợ gốc 12 năm kể từ ngày công trình hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Khoản vay này dùng để Đầu tư nâng cấp mở rộng Nhà máy nước Võ Cạnh và lắp đặt hệ thống Lamella cho bể lắng Nhà máy nước Võ Cạnh thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa. Khoản vay này chịu lãi suất 0%. Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 73.204.005.400 VND.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Khoản mục	Tăng do trích		Tăng khác	Chi/ sử dụng các quỹ trong kỳ	31/12/2016
	01/01/2015	lập từ lợi nhuận 2015			
Quỹ khen thưởng	(44.292.000)	3.043.554.000	-	(2.915.167.000)	84.095.000
Quỹ phúc lợi	3.757.126.278	1.268.147.000	-	(225.267.000)	4.800.006.278
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	760.888.000	-	-760.888.000	-
Cộng	3.712.834.278	5.072.589.000	-	(3.901.322.000)	4.884.101.278

20. Quỹ phát triển khoa học công nghệ

	31/12/2016	01/01/2015
Số dư đầu năm	1.955.169.662	-
Số trích lập trong năm		1.955.169.662
Chi/ sử dụng quỹ trong năm	30.400.000	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.924.769.662	1.955.169.662

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2015	260.000.000.000	852.875.935		2.349.780.000	27.973.741.552	291.176.397.487
Lợi nhuận năm 2016	-	-		-	27.387.385.232	27.387.385.232
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-		2.536.295.000	(2.536.295.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-		-	(5.072.589.000)	(5.072.589.000)
Chia cổ tức năm nay	-	-		-	(16.900.000.000)	(16.900.000.000)
Mua lại cổ phiếu của CBCNV			(314.400.000)			
31/12/2016	260.000.000.000	852.875.935	(314.400.000)	4.886.075.000	30.852.242.784	296.276.793.719

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu :

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200238007 ngày 31 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, vốn điều lệ của Công ty là 260.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ đông	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		31/03/2016	Số vốn còn phải góp
	VND	%	VND	VND
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa	206.000.000.000	79%	206.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	40.600.000.000	16%	40.600.000.000	-
Các cổ đông khác	13.400.000.000	5%	13.400.000.000	-
Cộng	260.000.000.000	100%	260.000.000.000	-

Cổ phiếu

	31/03/2016	31/12/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.000.000	26.000.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	26.000.000	26.000.000
Cổ phiếu phổ thông	26.000.000	26.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.000.000	26.000.000
Cổ phiếu phổ thông	26.000.000	26.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 4/2016	Quý 4/2015
Doanh thu sản xuất nước sạch	57.879.391.234	52.741.069.655
Doanh thu hoạt động xây lắp	16.763.364.890	18.296.326.122
Doanh thu khảo sát thiết kế	140.635.729	53.391.989
Doanh thu bán vật tư	-	-
Cộng	74.798.991.853	71.090.787.766

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Hàng bán bị trả lại	14.691.000	75.815.001
Cộng	14.691.000	75.815.001

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Giá vốn hàng bán**

	<u>Quý 1/2016</u>	<u>Quý 1/2015</u>
Giá vốn sản xuất nước	48.850.767.081	43.206.441.642
Giá vốn xây lắp	17.996.962.682	17.704.832.886
Giá vốn thiết kế	106.962.319	135.966.423
Giá vốn bán vật tư	14.004.854	-
Cộng	<u>66.954.692.082</u>	<u>61.047.240.951</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	795.088.199	1.421.613.729
Cộng	<u>795.088.199</u>	<u>1.421.613.729</u>

5. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	1.577.383.497	1.576.333.731
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết	-	-
Cộng	<u>1.577.383.497</u>	<u>1.576.333.731</u>

6. Chi phí bán hàng

Chi phí dụng cụ, đồ dùng	13.080.000	13.080.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.000.000	-
Chi phí bằng tiền khác	-	-
Cộng	<u>31.080.000</u>	<u>13.080.000</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	322.015.135	190.450.599
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	-	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	59.298.658	8.881.819
Chi phí khấu hao	73.470.437	79.893.674
Thuế, phí và lệ phí	20.000.000	-
Chi phí dự phòng	-	153.600.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	878.447.189	292.799.491
Chi phí bằng tiền khác	849.279.742	3.407.577.124
Cộng	<u>2.202.511.161</u>	<u>4.133.202.707</u>

8. Lợi nhuận (lỗ) khác

Thu bán đơn bắt nước và bán vật tư	-	-
Thu từ phí bảo vệ môi trường được giữ lại	1.145.280.345	987.620.993
Thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng	-	-
Thu nhập khác	91.869.126	664.334.103
Thu nhập khác	<u>1.237.149.471</u>	<u>1.651.955.096</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quý 4/ 2016</u>	<u>Quý 4 /2015</u>
Xử lý hàng tồn kho theo kiểm kê	-	-
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	-	340.799.273
Khấu hao tài sản cố định cho thuê	-	32.509.098
Chi hỗ trợ phí BVMT và thoát nước đô thị	1.547.281.560	1.314.035.110
Chi phí quản lý tài sản cho thuê	-	-
Các khoản nợ không thu hồi được	-	-
Chi phí khác	<u>289.944.7230</u>	<u>201.929.017</u>
Chi phí khác	<u>1.837.226.283</u>	<u>1.889.272.498</u>
Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động khác	<u>600.076.812</u>	<u>-237.317.402</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Theo Giấy chứng nhận đăng lý doanh nghiệp số 4201574467 ngày 27 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu 24.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Hoạt động kinh doanh sản xuất chính của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Trong năm 2016 Công ty đã đầu tư 6.600.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã đầu tư 10.200.000.000 VND, tương đương 12,75% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu theo cam kết là 13.800.000.000 VND.

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giải định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá của hàng hóa, vật tư mua vào.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay ngắn hạn và dài hạn chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất, kinh doanh (phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu trả tiền trước, đặt cọc hay trả tiền ngay đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập Báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Khánh Hòa, ngày 19 tháng 01 năm 2017



TRẦN VĂN HUY
Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN QUÂN
Kế toán trưởng